

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	[5] - [6]
3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	[10-11]
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chọn lọc	[12] - [46]

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
- Ông Đỗ Trần Mai	Thành Viên
- Bà An Hà My	Thành Viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc
- Bà Phạm Thị Kim Liên	Phó Giám đốc - Công ty con

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
- Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn

Số: 103/2020/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á được lập ngày 28 tháng 08 năm 2020, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Xuân Hòa
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0909-2018-242-1

4406
ÔNG
NHIỆM
PKF
ỆT N
QUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 01a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187,010,395,853	211,666,606,742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		27,010,538,055	57,658,622,515
1. Tiền	111	5.1	27,010,538,055	57,658,622,515
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.8	400,000,000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102,052,432,496	107,842,828,450
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	57,001,469,284	58,495,752,784
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	10,123,425,977	15,480,039,092
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	36,763,302,865	35,702,802,204
4. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.10	(1,835,765,630)	(1,835,765,630)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	52,371,989,533	40,176,786,784
1. Hàng tồn kho	141		52,371,989,533	40,176,786,784
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,175,435,769	5,988,368,993
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	2,921,190,998	5,915,496,056
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,238,851,135	72,872,937
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	15,393,636	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164,897,571,222	141,359,575,373
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		83,200,000	128,200,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	83,200,000	128,200,000
II. Tài sản cố định	220		98,715,830,896	100,569,648,743
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	91,089,988,474	92,302,262,464
- Nguyên giá	222		140,616,127,240	132,578,920,079
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49,526,138,766)	(40,276,657,615)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.12	1,396,399,102	1,966,670,615
- Nguyên giá	225		2,436,367,272	3,170,849,090
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,039,968,170)	(1,204,178,475)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	6,229,443,320	6,300,715,664
- Nguyên giá	228		6,765,326,300	6,765,326,300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(535,882,980)	(464,610,636)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		38,159,555,233	10,982,307,957
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	38,159,555,233	10,982,307,957
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	600,000,000	600,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		600,000,000	600,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		27,338,985,093	29,079,418,673
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2,982,454,231	3,376,788,022
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	64,177,112
3. Lợi thế thương mại	269	5.9	24,356,530,862	25,638,453,539
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		351,907,967,075	353,026,182,115

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phải được đọc chung với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG A

Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		171.585.773.636	158.573.050.173
I. Nợ ngắn hạn	310		143.033.417.579	143.323.959.361
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	48.425.184.658	50.093.055.331
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	11.093.459.471	6.625.293.343
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	4.932.101.593	7.988.442.619
4. Phải trả người lao động	314		2.238.188.753	3.734.739.846
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	2.093.355.500	610.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	7.049.321.706	5.423.566.478
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	65.623.100.860	67.270.156.706
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.578.705.038	1.578.705.038
II. Nợ dài hạn	330		28.552.356.057	15.249.090.812
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	820.430.120	820.430.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	24.867.084.208	14.428.660.692
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2,864,841,729	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.20	180.322.193.439	194.453.131.942
I. Vốn chủ sở hữu	410		180.322.193.439	194.453.131.942
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(68.454.545)	(68.454.545)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.876.752.824	46.060.158.166
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(11.225.566.295)	17.364.960.566
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		801.717.699	28.265.042
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12.027.283.994)	17.336.695.524
5. Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	429		13.739.461.455	16.096.467.755
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		351.907.967.075	353.026.182.115

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Người lập

Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phải được đọc chung với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG SƠN ĐÔNG A

Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 02a-DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	134.629.932.014	140.265.835.912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	37.841.816.306	21.238.083.100
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		96.788.115.708	119.027.752.812
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	57.446.386.412	60.666.976.439
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.341.729.296	58.360.776.373
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.301.080	11.719.109
7. Chi phí tài chính	22	6.5	6.636.143.490	4.794.288.480
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.358.916.049	2.159.335.806
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết			-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	31.590.790.706	37.127.056.711
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	11.009.113.147	7.988.379.937
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.890.016.967)	8.462.770.354
12. Thu nhập khác	31	6.6	115.439.121	527.634.497
13. Chi phí khác	32	6.7	133.788.294	187.922.089
14. Lợi nhuận khác	40		(18.349.173)	339.712.408
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.908.366.140)	8.802.482.762
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	1.432.346.921
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	2.929.018.841	465.198.933
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(12.837.384.981)	6.904.936.908
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	61		(11.253.831.337)	6.581.740.634
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát	62		(1.583.553.644)	323.196.274
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	(979)	572
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	(979)	572

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc




CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Mẫu số B 03-DN/HN**

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(16,087,557,506)	8,802,482,762
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		9,340,048,666	7,161,308,252
- Các khoản dự phòng	03		2,047,589,524	267,130,418
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(53,961,102)	90,069,111
- Chi phí lãi vay	06		3,356,646,113	2,159,335,806
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1,397,234,305)	18,480,326,349
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2,469,420,870	(18,270,027,064)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12,195,202,749)	(19,001,986,272)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1,272,204,750	(10,538,544,340)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4,143,114,531	(1,831,162,334)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3,356,646,113)	(2,159,335,806)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(571,046,015)	(3,190,132,255)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9,635,389,031)	(36,510,861,722)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33,434,046,734)	(21,423,065,889)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		626,069,273	735,935,683
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(400,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,177,367,018	11,719,109
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29,030,610,443)	(20,675,411,097)

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phải được đọc chung với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG A

Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		93.077.233.582	88.673.190.182
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(83.959.859.111)	(72.282.395.734)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(326.006.801)	(941.795.979)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(773.452.656)	(724.825.360)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.017.915.014	14.724.173.109
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(30.648.084.460)	(42.462.099.710)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		57.658.622.515	95.853.999.012
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		27.010.538.055	53.391.899.302

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn

Nguyễn Văn Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B09a-DN/HN**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B09a-DN/HN**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con:**Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 cấp ngày 07/03/2016 là 55.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn./.)

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 cấp ngày 08/01/2018 là 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn./.)

Trụ sở tại số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107685109 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 28 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 ngày 28/03/2018 là 5.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm tỷ đồng)

Trụ sở tại thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	81,82%	81,82%
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	90%	90%
Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam	90%	90%

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á – Chi nhánh Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B09a-DN/HN

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á (công ty mẹ), Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG (công ty con) và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Kết quả kinh doanh hợp nhất được tổng hợp từ kết quả kinh doanh của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 và kết quả kinh doanh của các Công ty con - Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG và Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 sau khi điều chỉnh các giao dịch nội bộ giữa công ty mẹ - công ty con và các công ty con với nhau.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con..

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B09a-DN/HN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TỔNG SỐ LAO ĐỘNG KÝ HỢP ĐỒNG TRONG CÔNG TY

Tổng số lao động ký hợp đồng trong Công ty đến ngày 30/06/2020 là 196 người.

5 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

5.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

5.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

5.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B09a-DN/HN

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

5.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 20 năm
Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm	05 năm
----------	--------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B09a-DN/HN***Tài sản cố định thuê tài chính***

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

5.6. Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của công ty bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Nguyên tắc xác định giá trị của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:***- Đầu tư vào các công ty con:***

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào các công ty liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

5.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí quảng cáo, chi phí đồng phục, chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

5.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B09a-DN/HN

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

5.9. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

5.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí duy trì và phát triển nhãn hiệu. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

5.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

5.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B09a-DN/HN

(iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

5.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động đầu tư phát sinh trong kỳ kế toán. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

5.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á, Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam và Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 17% trong thời gian 10 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm kể từ năm 2019.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

5.15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5.16. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B09a-DN/HN

5.17. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.7.

5.18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả, keo chống thấm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2020	01/01/2020
Tiền mặt	12,393,805,678	12,990,662,318
Tiền gửi ngân hàng	11,743,871,877	42,161,057,485
Tiền đang chuyển	2,872,860,500	2,506,902,712
Cộng	27,010,538,055	57,658,622,515

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020	01/01/2020
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	57,001,469,284	58,495,752,784
- Các khoản phải thu khách hàng khác	57,001,469,284	58,495,752,784
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2020	01/01/2020
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	10,123,425,977	15,480,039,092
- Đỗ Thị Bích Ngọc	1,226,600,000	1,226,600,000
- Công ty TNHH SUV	152,676,566	6,529,079,000
- Oliver Y Battle S.A.U	-	3,228,004,055
- Công ty CP Tư vấn XD và Thương mại TH Việt Nam	2,827,506,000	-
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	5,916,643,411	4,496,356,037
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

5.4 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	36,763,302,865	-	35,702,802,204	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	958,031,829	-	3,000,000	-
- Tạm ứng	23,981,544,348	-	23,976,287,667	-
- Phải thu khác	11,823,726,688	-	11,723,514,537	-
b) Dài hạn	83,200,000	-	128,200,000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	83,200,000	-	128,200,000	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	-	-

5.5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	24,547,998,209	-	17,097,547,041	-
Công cụ, dụng cụ	1,387,618,470	-	1,776,664,840	-
Chi phí SXKD dở dang	7,004,586,311	-	5,847,896,262	-
Thành phẩm nhập kho	15,204,918,072	-	12,316,160,517	-
Hàng hóa	4,226,868,471	-	3,138,518,124	-
Cộng	52,371,989,533	-	40,176,786,784	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

5.6 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	38,159,555,233	10,982,307,957
+ Xây dựng văn phòng, nhà máy	25,943,147,966	10,982,307,957
+ Dây chuyền máy móc	12,216,407,267	-
	38,159,555,233	10,982,307,957

5.7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	2,921,190,998	5,915,496,056
- Chi phí quảng cáo	718,677,847	1,579,137,670
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	576,495,151	
- Các khoản khác	1,626,018,000	4,336,358,386
b) Dài hạn	2,982,454,231	3,376,788,022
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	166,689,015
- Chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa	2,045,454,544	2,181,818,180
- Chi phí dài hạn khác	936,999,687	1,028,280,827
c) Lợi thế thương mại	24,356,530,862	25,638,453,539
- Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua công ty con trong kỳ, bao gồm cả giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại thời điểm mua;	24,356,530,862	25,638,453,539
Cộng	30,260,176,091	34,930,737,617

5.8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Chứng khoán kinh doanh			-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1,000,000,000	1,000,000,000	600,000,000	600,000,000
Ngắn hạn	400,000,000	400,000,000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	400,000,000	400,000,000	-	-
Dài hạn	600,000,000	600,000,000	600,000,000	600,000,000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	600,000,000	600,000,000	600,000,000	600,000,000

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2020/HĐTG/BC-VLC ngày 17/03/2020 giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam ký với Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền 400 triệu đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất cố định trong suốt thời gian gửi tiền 6,4% lãi trả cuối kỳ;

(ii) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2019 và đáo hạn năm 2026, số lượng 60 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000VND/trái phiếu, lãi trái phiếu trả hàng năm với lãi suất tham chiếu + 1%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

5.10 . NỢ XẤU*Đơn vị : VND*

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Các khoản phải thu ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Á Châu G8	192,880,615	-	(192,880,615)	192,880,615	-	(192,880,615)
Các công ty khác	3,151,710,312	1,508,825,297	(1,642,885,015)	3,151,710,312	1,508,825,297	(1,642,885,015)
Cộng	3,344,590,927	1,508,825,297	(1,835,765,630)	3,344,590,927	1,508,825,297	(1,835,765,630)

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	27,914,520,494	58,416,209,480	45,984,999,195	231,490,910	31,700,000	132,578,920,079
Tăng trong kỳ		2,931,674,070	6,599,929,636			9,531,603,706
- Mua trong kỳ		2,931,674,070	5,865,447,818			8,797,121,888
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính			734,481,818			734,481,818
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ		(353,342,000)	(1,141,054,545)			(1,494,396,545)
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		(353,342,000)	(1,141,054,545)			(1,494,396,545)
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	27,914,520,494	60,994,541,550	51,443,874,286	231,490,910	31,700,000	140,616,127,240
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	5,381,941,656	21,444,053,405	13,264,650,814	161,047,981	24,963,759	40,276,657,615
Tăng trong kỳ	304,066,201	5,241,769,945	4,228,774,353	21,654,541	3,962,496	9,800,227,536
- Số khấu hao trong kỳ	304,066,201	5,241,769,945	3,861,533,444	21,654,541	3,962,496	9,432,986,627
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính			367,240,909			367,240,909
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ		(108,092,799)	(442,653,586)			(550,746,385)
- Thanh lý, nhượng bán		(108,092,799)	(442,653,586)			(550,746,385)
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	5,686,007,857	26,577,730,551	17,050,771,581	182,702,522	28,926,255	49,526,138,766
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	22,532,578,838	36,972,156,075	32,720,348,381	70,442,929	6,736,241	92,302,262,464
2. Tại ngày cuối kỳ	22,228,512,637	34,416,810,999	34,393,102,705	48,788,388	2,773,745	91,089,988,474

- Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 30/06/2020 hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 47,053,847,880 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16,426,251,659 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

5.12 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3,170,849,090		3,170,849,090
Tăng trong kỳ			
- Thuê tài chính trong kỳ			
- Tăng khác			
Giảm trong kỳ	(734,481,818)		(734,481,818)
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(734,481,818)		(734,481,818)
- Giảm khác			
Số dư cuối kỳ	2,436,367,272		2,436,367,272
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1,204,178,475		1,204,178,475
Tăng trong kỳ	203,030,604		203,030,604
- Số khấu hao trong kỳ	203,030,604		203,030,604
- Tăng khác			
Giảm trong kỳ	(367,240,909)		(367,240,909)
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(367,240,909)		(367,240,909)
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối kỳ	1,039,968,170		1,039,968,170
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	1,966,670,615		1,966,670,615
2. Tại ngày cuối kỳ	1,396,399,102		1,396,399,102

5.13 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán, thiết kế	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6,725,114,300	40,212,000	6,765,326,300
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6,725,114,300	40,212,000	6,765,326,300
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	437,132,436	27,478,200	464,610,636
Tăng trong kỳ	67,251,144	4,021,200	71,272,344
- Số khấu hao trong kỳ	67,251,144	4,021,200	71,272,344
- Tăng khác			-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	504,383,580	31,499,400	535,882,980
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	6,287,981,864	12,733,800	6,300,715,664
2. Tại ngày cuối kỳ	6,220,730,720	8,712,600	6,229,443,320

• Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại ngày 30/06/2020 đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

6,220,730,720 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

5.14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	48,425,184,658	48,425,184,658	50,093,055,331	50,093,055,331
- Công ty TNHH Thương mại và Hóa chất HD	4,104,716,800	4,104,716,800	2,933,051,000	2,933,051,000
- Công ty TNHH Sản xuất TM Ngọc Sơn	6,995,067,464	6,995,067,464	9,016,484,445	9,016,484,445
- Công ty TNHH MTV Bao Bì & Thương mại Quang Huy	2,663,045,200	2,663,045,200	2,259,493,250	2,259,493,250
- Phải trả cho các đối tượng khác	34,662,355,194	34,662,355,194	35,884,026,636	35,884,026,636
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	103,699,621	103,699,621	103,699,621	103,699,621
- Công ty TNHH TM Quảng Ngà	27,629,620	27,629,620	27,629,620	27,629,620
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàng Phát	38,000,000	38,000,000	38,000,000	38,000,000
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Yến	38,070,001	38,070,001	38,070,001	38,070,001
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				

5.15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11,093,459,471	11,093,459,471	6,625,293,343	6,625,293,343
- Công ty TNHH Tân Toàn Cầu	-	-	891,976,093	891,976,093
- Đối tượng khác	11,093,459,471	11,093,459,471	5,733,317,250	5,733,317,250
b) Người mua trả tiền trước dài hạn				

5.16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp, bù trừ trong kỳ	30/06/2020
	a) Phải nộp	7,988,442,619	19,104,598,968	22,160,939,994
- Thuế GTGT	3,238,739,342	18,645,396,940	21,233,994,422	650,141,860
- Thuế TNDN	3,098,182,316	-	567,046,015	2,531,136,301
- Thuế TNCN	1,651,520,961	394,402,028	295,099,557	1,750,823,432
- Các loại thuế khác	-	13,000,000	13,000,000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	51,800,000	51,800,000	-

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

5.16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)**b) Phải thu**

	01/01/2020	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	30/06/2020
- Thuế GTGT		4,000,000		4,000,000
- Thuế TNDN		4,000,000		4,000,000
- Thuế thu nhập cá nhân	-	7,393,636		7,393,636

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	2,093,355,500	610,000,000
- Trích trước chi phí kiểm toán	95,000,000	190,000,000
- Chi phí duy trì và phát triển nhãn hiệu	75,757,574	
- Trích trước chi phí thuê nhà xưởng	540,000,000	420,000,000
- Các khoản trích trước khác	1,382,597,926	-
b) Dài hạn	-	-

5.18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	7,049,321,706	5,423,566,478
- Kinh phí công đoàn	317,304,215	350,862,354
- Bảo hiểm xã hội	1,456,443,857	206,827,332
- Bảo hiểm y tế	39,898,541	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả, phải nộp khác	2,035,675,093	1,965,876,792
- Nhận ký quỹ, ký cược	3,200,000,000	2,900,000,000
b) Dài hạn	820,430,120	820,430,120
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	820,430,120	820,430,120
- Phải trả, phải nộp khác	-	-
c) Phải trả khác là các bên liên quan	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

5.19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	65,623,100,860	65,623,100,860	82,182,846,917	83,829,902,763	67,270,156,706	67,270,156,706
Vay ngắn hạn	57,806,764,820	57,806,764,820	77,609,946,269	79,962,335,965	60,159,154,516	60,159,154,516
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Trung (1)	17,997,009,259	17,997,009,259	17,054,764,848	15,572,604,196	16,514,848,607	16,514,848,607
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng (2)	11,415,541,450	11,415,541,450	16,999,283,597	15,085,374,216	9,501,632,069	9,501,632,069
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (3)	17,073,446,522	17,073,446,522	28,153,100,425	35,263,241,775	24,183,587,872	24,183,587,872
'- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đống Đa (4)	824,691,082	824,691,082	824,691,082			
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (5)	9,893,554,903	9,893,554,903	13,975,584,713	14,041,115,778	9,959,085,968	9,959,085,968
'- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (6)	602,521,604	602,521,604	602,521,604			
Vay dài hạn đến hạn trả	7,474,336,040	7,474,336,040	4,572,900,648	3,347,094,980	6,248,530,372	6,248,530,372
- Ngân hàng Public Việt Nam (7)	922,600,040	922,600,040	461,299,980	461,299,980	922,600,040	922,600,040
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (8)	690,400,000	690,400,000	345,200,000	345,200,000	690,400,000	690,400,000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (9)	180,000,000	180,000,000	180,000,000			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank (11)	328,668,000	328,668,000	214,332,000	114,336,000	228,672,000	228,672,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (12)	466,233,332	466,233,332	233,116,666	298,441,666	531,558,332	531,558,332
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Long An (13)	241,200,000	241,200,000	241,200,000			
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (15)	4,645,234,668	4,645,234,668	2,897,752,002	2,127,817,334	3,875,300,000	3,875,300,000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	342,000,000	342,000,000	-	520,471,818	862,471,818	862,471,818
'- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam (10)	42,960,000	42,960,000		171,560,000	214,520,000	214,520,000
- Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (14)	299,040,000	299,040,000		348,911,818	647,951,818	647,951,818

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

5.19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24,867,084,208	24,867,084,208	15,661,752,330	5,223,328,814	14,428,660,692	14,428,660,692
Vay dài hạn	24,867,084,208	24,867,084,208	15,661,752,330	5,223,328,814	14,428,660,692	14,428,660,692
- Ngân hàng Public Việt Nam (7)	1,714,383,377	1,714,383,377		461,299,980	2,175,683,357	2,175,683,357
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (8)	2,690,175,001	2,690,175,001		772,216,666	3,462,391,667	3,462,391,667
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (9)	347,000,000	347,000,000	542,000,000	195,000,000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank (11)	517,997,000	517,997,000	300,000,000	239,331,000	457,328,000	457,328,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (12)	416,391,669	416,391,669		396,429,166	812,820,835	812,820,835
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Long An (13)	460,300,000	460,300,000	721,600,000	261,300,000		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (15)	7,292,484,831	7,292,484,831	2,669,800,000	2,897,752,002	7,520,436,833	7,520,436,833
Nợ thuê tài chính dài hạn	11,428,352,330	11,428,352,330	11,428,352,330	-	-	-
- Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (14)	194,465,017	194,465,017	194,465,017			
- Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (16)	11,233,887,313	11,233,887,313	11,233,887,313			
Cộng	90,490,185,068	90,490,185,068	97,844,599,247	89,053,231,577	81,698,817,398	81,698,817,398

c) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020			Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê tài chính	Trả nợ gốc
Từ 1 năm đến 5 năm	604,380,412	278,373,611	326,006,801	977,551,997	88,121,597	889,430,400
Cộng	604,380,412	278,373,611	326,006,801	977,551,997	88,121,597	889,430,400

d) Giá trị nợ thuê tài chính

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuê tài chính	11,770,352,330	11,770,352,330	862,471,818	862,471,818
Lãi thuê tài chính phải trả	5,067,311,420	5,067,311,420	43,326,383	43,326,383
Cộng	16,837,663,750	16,837,663,750	905,798,201	905,798,201

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

5.19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

I. Các hợp đồng vay và thuê tài chính của Công ty Cổ phần Hãng Sơn Đông Á bao gồm:

(1) Hợp đồng số 02/2020/4729252/HĐTĐ giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ngày 17/06/2020, hạn mức cho vay 30 tỷ trong đó hạn mức cho vay 20 tỷ, hạn mức bảo lãnh 10 tỷ, thời gian vay 5 tháng theo từng hợp đồng cụ thể, lãi suất trong hạn 7.5%/năm. Tài sản đảm bảo là ô tô Toyota Innova 2.0E BKS 29A-871.21, ô tô Hyundai I10 BKS 30A.627.39 và các quyền sử dụng đất, căn hộ của bên thứ 3, cổ phiếu của bên thứ 3.

(2) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0057 ngày 16/11/2012 và phụ lục bổ sung hợp đồng tín dụng ký ngày 19/03/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng, hạn mức tín dụng là 11,5 tỷ đồng, thời hạn của hợp đồng là 23/02/2021, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(3) Hợp đồng cho vay hạn mức số 356-03/2020-HĐCVHM/NHCT131-SDA ngày 27 tháng 05 năm 2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 25 tỷ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sơn, bột bả chất chống thấm. Tài sản thế chấp là 1 xe Lexus, toàn bộ 60 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2019 và đáo hạn năm 2026, 1 xe ô tô Ford BKS 29C-610.26, 1 xe ô tô Ford BKS 29C-383.46, 1 xe ô tô tải Pick up BKS 29C-608.49, 1 xe Mazda BKS 30E-063.63, 1 xe ô tô Kia BKS 30E- 492.90, 1 xe ô tô Hyundai BKS 30F-372.89, 1 xe Hyundai BKS 30F-547.96, 1 xe Hyundai BKS 30F-708, 1 xe Hyundai BKS 30F-191.98, 1 xe Hyundai BKS 30F192-48, 1 xe ô tô Nissan BKS 29H-141.11, 1 xe ô tô tải Pick up BKS 29H-216.07, 1 xe ô tô Nissan BKS 29C-799.21, 1 xe ô tô tải Ford BKS 29C-790.49, 1 xe ô tô tải Hyundai BKS 30F-527.55, các máy móc thiết bị pha chế sơn và nhiều bất động sản của bên thứ 3.

(4) Hợp đồng tín dụng số 20042.20.059.1978415.TD ngày 25/05/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đống Đa, hạn mức tín dụng là 16,5 tỷ trong đó hạn mức cho vay là 15 tỷ, hạn mức trả lương và MBAL là 1,5 tỷ; hạn mức tín dụng 2 là 33 tỷ trong đó hạn mức cho vay là 30 tỷ; hạn mức trả lương và MBAL là 3 tỷ, thời hạn hợp đồng đến ngày 21/04/2021, mục đích sử dụng là phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2020-2021.

(7) Vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam Chi nhánh Hà Nội:

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000028/18, số cam kết nhận nợ 020-4-55-00-18007, từ ngày 07/03/2018 đến ngày 07/03/2023, hạn mức được phê duyệt 650.000.000 đồng, lãi suất 7,09%/năm, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson, có giá trị 820.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000025/18, số cam kết nhận nợ 020-1-55-00-18008, từ ngày 21/03/2018 đến ngày 21/03/2023, hạn mức được phê duyệt 813.000.000 đồng, lãi suất 7,09%/năm, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Santafe, có giá trị 1.030.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000059/18, số cam kết nhận nợ 020-5-55-00-18011, từ ngày 13/04/2018 đến ngày 13/04/2023, hạn mức được phê duyệt 680.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Mazda New CX5 20G AT 2WD, có giá trị 899.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000045/18, số cam kết nhận nợ 020-9-55-00-19012, từ ngày 26/04/2018 đến ngày 26/04/2023, hạn mức được phê duyệt 650.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson, có giá trị 820.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000046/18, số cam kết nhận nợ 020-9-55-00-18013, từ ngày 04/05/2018 đến ngày 04/05/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000063/18, số cam kết nhận nợ 020-6-55-00-18014, từ ngày 04/05/2018 đến ngày 04/05/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000064/18, số cam kết nhận nợ 020-1-55-00-19018, từ ngày 22/06/2018 đến ngày 22/06/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, cùng với các hợp đồng tín dụng số HAN/000046/18 và HAN/000063/2018 được thế chấp bởi 02 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Vios E CVT, có giá trị 1.040.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000105/18, số cam kết nhận nợ 020-7-55-00-18017, từ ngày 18/06/2018 đến ngày 18/06/2023, hạn mức được phê duyệt 620.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson 1,6T - GDI 2WD, có giá trị 882.000.000 đồng.

(8) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 340/2018-HĐDCVDADDT/NHCT131-SDA ngày 09 tháng 02 năm 2018, hạn mức 1.228.000.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua sắm 02 xe ô tô tải (Pickup cabin kép) Nissan Navara và Ford Ranger WildTrak mới 100%, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

5.19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(9) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/4729252/HĐTD ngày 01/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam, hạn mức vay 542 triệu đồng, mục đích vay mua 01 xe ô tô Hyundai Tucson 2.0AT bản đặc biệt máy xăng, thời gian vay 36 tháng, lãi suất đến 30/06/2020 là 10,5%/năm, từ 01/07/2020 lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, tài sản thế chấp là xe Hyundai hình thành từ khoản vay.

(10) Hợp đồng thuê tài chính số 02.062/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 677.280.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

II. Các hợp đồng vay và thuê tài chính của Công ty Cổ phần Bewin&Coating SG bao gồm:

(5) Hợp đồng cho vay hạn mức số 285-03/2019-HĐCVHM/NHCT131-HV ngày 20 tháng 06 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 10 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ 01/07/2019 đến 01/07/2020, lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp bất động sản số 80/2017/HĐTC/NHCT131-SDASG giữa Công ty Bewin & Coating SG và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Đông.

(11) Hợp đồng tín dụng số LD1936200260 ngày 30/12/2019 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 686.000.000 VND, thời hạn vay 03 năm, lãi suất vay 11% trong 03 tháng đầu tiên từ các tháng tiếp theo là lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ, mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô con thuộc sở hữu của Công ty;

Hợp đồng tín dụng Số LD2008100086 ngày 23/03/2020 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 300.000.000 VND, thời hạn vay 03 năm, lãi suất vay 11% trong 03 tháng đầu tiên từ các tháng tiếp theo là lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ, mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô tải thuộc sở hữu của Công ty.

(12) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội bao gồm:

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 379/2018-HĐCVĐAT/NHCT131-BCSG ngày 19 tháng 03 năm 2018 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 608.300.000 VND, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng tháng, mục đích vay là đầu tư mua sắm 01 xe ô tô Mazda CX5 phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty;

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 417/2018 - HĐCVĐAT/NHCT131-BCSG ngày 12 tháng 04 năm 2018 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 629.300.000 VND, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng tháng, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe ô tô Mazda CX5 phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty;

- Hợp đồng số 365-03/2019-HĐCVĐADT/NHCT131 - BCSG ngày 15/07/2019 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội. Tổng hạn mức là 462.700.000 VND, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất cho vay ghi trên từng giấy nhận nợ, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe tải pickup cabin kép Ford Range phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

(13) Hợp đồng vay số LAN/20055 ngày 06 tháng 05 năm 2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Long An. Số tiền cho vay là 721.600.000 VND. Thời hạn cho vay: 36 tháng. Mục đích vay: Thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Mazda. Biện pháp bảo đảm là Xe ô tô con; nhãn hiệu Mazda, số loại CX5, màu sơn Trắng. Lãi suất cho vay cố định 10,8% trong 3 tháng đầu; lãi suất các tháng tiếp theo sẽ được điều chỉnh 3 tháng/ lần.

(14) Hợp đồng thuê tài chính số 05/2018/CN.MN-CTTC ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với giá trị tài sản cho thuê là 1.495.840.000 đồng, thời hạn cho thuê 48 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

5.19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III. Các hợp đồng vay và thuê tài chính của Công ty Cổ phần Bewin&Coating Vietnam bao gồm:

(6) Hợp đồng cho vay hạn mức số 432-03/2020-HĐCVHM/NHCT131-BCVN ngày 29/06/2020 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, hạn mức cho vay 5.000.000.000 VND, lãi suất theo từng khối ước nhận nợ, thời gian vay không quá 3 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sơn, bột bả, chất chống thấm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Quốc Quyền (vợ là bà Nguyễn Thị Thúy Nga).

(15) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội bao gồm những hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 162-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 18 tháng 04 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 2.240.000.000 đồng, thời hạn 48 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để mua sắm 5 xe ô tô phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 161-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 18/04/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 229-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 28 tháng 05 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 840.000.000 đồng, thời hạn 48 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để mua sắm 1 xe ô tô 7 chỗ HUYNDAI phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 228-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 27/05/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 276-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20 tháng 06 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ hiệu Ford Ecosport mới 100% màu sơn trắng phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 275-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 19/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 284-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20 tháng 06 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 505.050.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải pickup cabin kép phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 283-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 20/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 360-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 11 tháng 07 năm 2019, tổng hạn mức 660.450.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 02 xe ô tô con phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 358-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 11/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 378-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 18 tháng 07 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép hiệu Ford Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 370-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 17/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 440-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 31 tháng 07 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 504.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu HYUNDAI số loại KONA phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 439-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 31/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

5.19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 464-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 07 tháng 08 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 469.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu HYUNDAI số loại KONA phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 463-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 07/08/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 507-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 16 tháng 08 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pickup cabin kép 05 chỗ ngồi hiệu FORD số loại RANGER phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 498-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 15/08/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 621-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 19 tháng 09 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 459.200.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu HYUNDAI số loại ELANTRA phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 620-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 19/09/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 658-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 30 tháng 09 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 400.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải pickup cabin kép hiệu Mitsubishi số loại Triton phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 656-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 30/09/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 683-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 596.400.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu HYUNDAI số loại TUCSON TL 3-2.0NU 6AT FL phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 678-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 03/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 706-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pickup cabin kép 05 chỗ ngồi hiệu FORD số loại RANGER phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 697-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 07/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 750-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 385.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA số loại VIOS G phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 746-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 23/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 781-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 558.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải pickup cabin kép nhãn hiệu FORD số loại RANGER phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 780-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 30/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

5.19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 803-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 595.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI số loại TUCSON màu đỏ phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 802-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 08/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 811-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 295.400.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ hiệu HYUNDAI số loại ACCENT 1.4MT BASE phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 810-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 12/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 836-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 631.400.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI số loại TUCSON phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 835-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 20/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 892-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 1.006.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 02 xe ô tô con nhãn hiệu FORD số loại RANGER phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 891-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 02/12/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 992-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 27 tháng 12 năm 2019, tổng hạn mức 429.800.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA số loại CERATO phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 991-03/2019/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 27/12/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 30-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 16 tháng 01 năm 2020, tổng hạn mức 593.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 29-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 16/01/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 69-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 14 tháng 02 năm 2020, tổng hạn mức 448.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 63-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 13/02/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 105-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 03 tháng 03 năm 2020, tổng hạn mức 453.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai, số loại Elantra phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 105-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 03/03/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

5.19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 147-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 24 tháng 03 năm 2020, tổng hạn mức 209.300.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại Morning phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 146-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 23/03/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 401-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 12 tháng 06 năm 2020, tổng hạn mức 546.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 392-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 11/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

(16) Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.013/2020/TSC-CTTC ngày 03/03/2020 ký giữa Công ty và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền thuê tạm tính là 14.459.060.841 VND tương đương với 471.815 EUR, lãi suất 9%/năm cho 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, mục đích thuê để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo dự án/phương án thuê tài chính, hợp đồng được bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á theo Công văn số 01.0301/2020.BL-HDA ngày 03/01/2020 do Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

5.20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	115,000,000,000	(68,454,545)	29,189,645,500	11,654,404,980	17,420,546,141	173,196,142,076
Tăng vốn năm trước	-			5,500,000,000		5,500,000,000
Lãi trong năm trước					17,336,695,524	17,336,695,524
Tăng khác				624,735,597		624,735,597
Trích lập các quỹ			16,870,512,666			
Giảm vốn trong năm trước						-
Giảm khác		-		(1,682,672,822)	(17,392,281,099)	(19,074,953,921)
- Phân phối lợi nhuận					(17,392,281,099)	(17,392,281,099)
- Giảm khác				(1,682,672,822)	-	-
Số dư cuối năm trước	115,000,000,000	(68,454,545)	46,060,158,166	16,096,467,755	17,364,960,566	194,453,131,942
Tăng vốn trong kỳ này						-
Lãi trong kỳ này				(1,583,553,644)	(11,253,831,337)	(12,837,384,981)
Tăng khác					-	-
Trích lập các quỹ			16,816,594,658			16,816,594,658
Giảm vốn trong kỳ này						-
Giảm khác	-	-	-	(773,452,656)	(17,336,695,524)	(18,110,148,180)
- Phân phối lợi nhuận (*)				(773,452,656)	(17,336,695,524)	(18,110,148,180)
- Giảm khác		-				-
Số dư cuối kỳ	115,000,000,000	(68,454,545)	62,876,752,824	13,739,461,455	(11,225,566,295)	180,322,193,439

(*) Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 05 năm 2019. Chi tiết như sau:

- Chi trả thù lao HĐQT, Thư ký Công ty	521,768,433
- Trích quỹ đầu tư phát triển	16,814,927,091
Tổng	17,336,695,524

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp tại ngày 30/06/2020	30/06/2020	01/01/2020
Ông Mai Anh Tám	8.35%	9,603,270,000	9,603,270,000
Ông Nguyễn Quốc Quyền	7.19%	8,269,000,000	5,750,000,000
Vốn góp của các đối tượng khác	84.46%	97,127,730,000	99,646,730,000
Cộng	100%	115,000,000,000	115,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	115,000,000,000	115,000,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ		
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	115,000,000,000	115,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18,110,148,180	-

d) Cổ phiếu	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,500,000	11,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,500,000	11,500,000
- Cổ phiếu phổ thông	11,500,000	11,500,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11,500,000	11,500,000
- Cổ phiếu phổ thông	11,500,000	11,500,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

e) Các quỹ của doanh nghiệp	30/06/2020	01/01/2020
- Quỹ đầu tư phát triển	62,876,752,824	46,060,158,166

f) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.21 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
a) Doanh thu	134,629,932,014	140,265,835,912
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh sơn	115,591,473,954	125,537,923,141
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh bột bả	6,907,312,222	6,592,494,288
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	11,266,841,518	8,135,418,483
- Doanh thu khác	864,304,320	
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Chiết khấu thương mại	36,014,523,767	20,756,282,943
Hàng bán bị trả lại	1,827,292,539	481,800,157
Cộng	37,841,816,306	21,238,083,100

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Giá vốn của hàng đã bán	57,446,386,412	60,666,976,439
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh sơn	46,628,728,159	54,296,943,913
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh bột bả	4,462,856,099	2,851,347,893
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	5,546,613,821	3,518,684,633
- Giá vốn khác	808,188,333	
Cộng	57,446,386,412	60,666,976,439

6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Lãi tiền gửi, cho vay	4,301,080	11,719,109
Cộng	4,301,080	11,719,109

6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Lãi tiền vay	3,358,916,049	2,159,335,806
Chiết khấu thanh toán	3,253,241,187	2,623,327,234
Lỗi chênh lệch tỷ giá	23,986,254	11,625,440
Chi phí tài chính khác		-
Cộng	6,636,143,490	4,794,288,480

6.6 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
- Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản	108,092,799	34,515,612
- Thu nhập khác	7,346,322	493,118,885
Cộng	115,439,121	527,634,497

6.7 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
- Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản	58,432,777	136,303,832
- Các khoản bị phạt	64,475,036	38,646,108
- Các khoản khác	10,880,481	12,972,149
Cộng	133,788,294	187,922,089

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	11,009,113,147	7,988,379,937
Chi phí nhân công quản lý	5,339,694,400	4,775,202,039
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,170,683,311	899,212,380
Phân bổ lợi thế thương mại	1,281,922,677	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3,216,812,759	2,313,965,518

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	31,590,790,706	37,127,056,711
Chi phí nhân viên	7,592,202,853	7,832,192,791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,659,606,383	5,585,253,795
Chi phí quảng cáo	6,601,375,699	7,153,304,185
Chi phí bán hàng khác	9,737,605,771	16,556,305,940

6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53,706,796,021	77,484,045,348
Chi phí nhân công	16,721,001,869	17,391,335,238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9,589,543,205	7,161,308,252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12,368,868,242	23,595,326,723
Chi phí bằng tiền khác	8,191,071,987	6,526,870,659
Cộng	100,577,281,324	132,158,886,220

6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
- Tại Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á	-	1,234,838,087
-Tại Công ty Cổ phần Bewin&Coating SG	-	-
-Tại Công ty Cổ phần Bewin&Coating Vietnam	-	197,508,834
Thuế TNDN hiện hành	-	1,432,346,921

6.11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2,929,018,841	465,198,933
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	2,929,018,841	465,198,933

6.12 LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	(11,253,831,337)	6,581,740,634
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi		
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu		
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11,500,000	11,500,000
Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu	(979)	572

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	11,233,887,313	

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	93,077,233,582	88,673,190,182

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	83,959,859,111	72,282,395,734

8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

CHỈ TIÊU	Sản xuất và kinh doanh sơn	Sản xuất và kinh doanh bột bả và khác	Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	TỔNG CỘNG
Doanh thu	115,591,473,954	7,771,616,542	11,266,841,518	134,629,932,014
Các khoản giảm trừ doanh thu	37,841,816,306			37,841,816,306
Giá vốn hàng bán	46,628,728,159	5,271,044,432	5,546,613,821	57,446,386,412
Lợi nhuận gộp	31,120,929,489	2,500,572,110	5,720,227,698	39,341,729,296
Tổng tài sản				351,907,967,075
Nợ phải trả				171,585,773,636
<i>Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các TS dài hạn khác)</i>				33,434,046,734
<i>Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				15,444,166,978
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn</i>				

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Sản xuất và kinh doanh sơn	Sản xuất và kinh doanh bột bả	Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	TỔNG CỘNG
Doanh thu	125,537,923,141	6,592,494,288	8,135,418,483	140,265,835,912
Các khoản giảm trừ doanh thu	21,238,083,100			21,238,083,100
Giá vốn hàng bán	54,296,943,913	2,851,347,893	3,518,684,633	60,666,976,439
Lợi nhuận gộp	50,002,896,128	3,741,146,395	4,616,733,850	58,360,776,373
Tổng tài sản				308,738,579,660
Nợ phải trả				130,828,969,783
<i>Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các TS dài hạn khác)</i>				20,893,401,257
<i>Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				10,586,004,359
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước tại miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

CHỈ TIÊU	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	TỔNG CỘNG
Doanh thu	95,486,408,414	11,156,916,288	27,986,607,312	134,629,932,014
Các khoản giảm trừ doanh thu	27,365,500,137	4,351,171,794	6,125,144,375	37,841,816,306
Giá vốn hàng bán	35,609,711,391	8,372,798,298	13,463,876,723	57,446,386,412
Lợi nhuận gộp	32,511,196,886	(1,567,053,804)	8,397,586,214	39,341,729,296

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	TỔNG CỘNG
Doanh thu	94,272,381,457	14,580,776,153	31,412,678,302	140,265,835,912
Các khoản giảm trừ doanh thu	21,238,083,100	-		21,238,083,100
Giá vốn hàng bán	37,496,093,598	8,944,750,155	14,226,132,686	60,666,976,439
Lợi nhuận gộp	35,538,204,759	5,636,025,998	17,186,545,616	58,360,776,373

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ

Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh trong niên độ cần được trình bày trong Báo cáo tài chính.

8.5 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

8.5 . Công cụ tài chính (tiếp)

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27,010,538,055		27,010,538,055
Phải thu khách hàng	57,001,469,284	-	57,001,469,284
Đầu tư	400,000,000	600,000,000	1,000,000,000
Phải thu khác	36,763,302,865	83,200,000	36,846,502,865
Trừ:	(1,835,765,630)	-	(1,835,765,630)
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,835,765,630)	-	(1,835,765,630)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	123,011,075,834	683,200,000	123,694,275,834
Các khoản vay và nợ	65,623,100,860	24,867,084,208	90,490,185,068
Phải trả người bán	48,425,184,658		48,425,184,658
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	9,142,677,206	820,430,120	9,963,107,326
Tổng cộng	123,190,962,724	25,687,514,328	148,878,477,052
Chênh lệch thanh khoản thuần	(179,886,890)	(25,004,314,328)	(25,184,201,218)
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	57,658,622,515		57,658,622,515
Phải thu khách hàng	58,495,752,784	-	58,495,752,784
Đầu tư	-	600,000,000	600,000,000
Phải thu khác	35,702,802,204	128,200,000	35,831,002,204
Trừ:	(1,835,765,630)	-	(1,835,765,630)
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,835,765,630)	-	(1,835,765,630)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	153,692,943,133	728,200,000	154,421,143,133
Các khoản vay và nợ	67,270,156,706	14,428,660,692	81,698,817,398
Phải trả người bán	50,093,055,331	-	50,093,055,331
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	6,033,566,478	820,430,120	6,853,996,598
Tổng cộng	123,396,778,515	15,249,090,812	138,645,869,327
Chênh lệch thanh khoản thuần	30,296,164,618	(14,520,890,812)	15,775,273,806

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, tp. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ bằng giá gốc trừ đi dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1,000,000,000	600,000,000	1,000,000,000	600,000,000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91,929,006,519	92,362,789,358	91,929,006,519	92,362,789,358
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	600,000,000	600,000,000	600,000,000	600,000,000
Tiền và các khoản tương đương tiền	27,010,538,055	57,658,622,515	27,010,538,055	57,658,622,515
Tổng cộng	120,539,544,574	151,221,411,873	120,539,544,574	151,221,411,873
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	90,490,185,068	81,698,817,398	90,490,185,068	81,698,817,398
Phải trả người bán	48,425,184,658	50,093,055,331	48,425,184,658	50,093,055,331
Phải trả khác	7,869,751,826	6,243,996,598	7,869,751,826	6,243,996,598
Tổng cộng	146,785,121,552	138,035,869,327	146,785,121,552	138,035,869,327

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

8.6 . Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan****b) Thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	393,668,750
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc	192,500,000
Bà Phạm Thị Kim Liên	Phó Giám đốc (Công ty con)	179,675,000
Tổng cộng		765,843,750

8.7 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.8 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.9 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn